

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2018

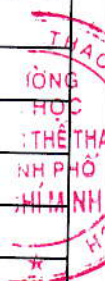
(Kèm theo Quyết định số 46/QĐ-TĐTTHCM ngày 20/03/2020 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số Quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	26.420	27.369	949	
1	Phí, Lệ phí				
2	Thu sự nghiệp và hoạt động dịch vụ	26.420	27.369	949	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
I	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.709	22.709	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Phí, Lệ phí	159	187	28	
2	Thu sự nghiệp và hoạt động dịch vụ				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	22.871	22.871	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.871	22.871	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.610	1.610	0	
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.610	1.610	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	1.550	1.550		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	60	60		
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	21.261	21.261	0	

3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.566	18.566		
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.695	2.695		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				



5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

VA DU LI